

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 365/2020/DS-ST

Ngày: 29/9/2020

*V/v “Tranh chấp hợp đồng
ủy quyền và trả thưởng”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Ông Nguyễn Thành Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2020/TLST- DS ngày 20 tháng 3 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng ủy quyền và trả thưởng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 470/2020/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn T - sinh năm 1955 (có mặt)

Địa chỉ: khu phố C, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Cao Dương T1 - sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố D, phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn G - sinh năm 1940 (có đơn yêu cầu vắng mặt)

Địa chỉ: phường T2, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2020 và lời trình bày của nguyên đơn ông Huỳnh Văn T trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Do ông có khu đất nằm trong khu quy hoạch mảng xanh liên hoàn kết hợp mặt nước nên ông đã uỷ quyền cho ông Cao Dương T1 thực hiện việc xin điều chỉnh quy hoạch thành đất thổ cư.

Ngày 30/8/2018, ông và ông Cao Dương T1 đã ký hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng, có ông Nguyễn Văn G làm chứng. Theo hợp đồng, ông T1 phải xin điều chỉnh quy hoạch đối với khu đất của ông có diện tích 11997 m² thuộc các thửa đất số N tờ bản đồ số 6, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh đã được Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/01/2002 từ đất quy hoạch mảng xanh liên hoàn kết hợp mặt nước theo Quyết định số 4939/QĐ- UBND ngày 11/9/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thành đất quy hoạch khu dân cư. Thời gian ông T1 thực hiện công việc là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng. Ông T1 phải chịu tất cả chi phí đi đường, chi phí liên quan đến các cơ quan có thẩm quyền để xin điều chỉnh lại quy hoạch. Nếu ông T1 thực hiện được công việc thì sau 07 ngày kể từ ngày có quyết định điều chỉnh quy hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ông đồng ý trả thưởng cho ông T1 và ông Nguyễn Văn G số tiền 4 tỷ đồng.

Sau khi ký hợp đồng, ông T1 nói do gần đến lễ 2/9 nên cần chi phí, do đó ông T1 yêu cầu ông giao 200.000.000 đồng và ông đã đồng ý giao, ông T1 có ký giấy biên nhận nhận tiền ngày 30/8/2018. Ngày 06/9/2018 ông T1 tiếp tục nhận thêm của ông 50.000.000 đồng và cũng ký giấy biên nhận.

Sau đó, ngày 19/9/2018 ông T1 yêu cầu ông ký lại hợp đồng chỉ có ông và ông T1, không có ông Nguyễn Văn G, ông phải giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1 giữ và ứng 10% của 4 tỷ đồng. Nhận thấy sự việc có dấu hiệu lừa đảo nên ông không đồng ý làm nữa và yêu cầu ông T1 trả lại số tiền 250.000.000 đồng cho ông. Ông T1 đồng ý và hẹn nhiều lần nhưng không trả. Việc ông và ông T1 thoả thuận chấm dứt hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng chỉ bằng lời nói, không có văn bản nào. Ngày 13/9/2019 và ngày 07/10/2019 ông T1 đã viết giấy cam kết trả lại tiền cho ông. Sau nhiều lần ông T1 hẹn trả tiền nhưng không trả nên ông đã tố cáo ông T1 đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh về hành vi lừa đảo. Ngày 23/12/2019, Phòng cảnh sát kinh tế- Công an Thành phố Hồ Chí Minh có Phiếu chuyển số 1507/PC- PC03 chuyển vụ việc của ông đến Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình làm việc tại Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14/01/2020 ông T1 đã cam kết đến ngày 07/02/2020 trả lại tiền cho ông nhưng đến hẹn ông T1 vẫn không trả. Ngày 12/02/2020 cũng tại Công an Quận B, ông T1 tiếp tục cam kết trả lại cho ông 250.000.000 đồng nhưng vẫn không trả.

Đến ngày 18/02/2020, ông T1 đến Công an Quận B nộp 30.000.000 đồng nhờ Công an Quận B chuyển cho ông và ông đã nhận số tiền này. Số tiền còn lại 220.000.000 đến nay ông T1 vẫn không trả lại.

Số tiền giao cho ông T1 là của riêng cá nhân ông, không phải là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông và bà Nguyễn Thị Thu Đ. Ông cũng chỉ giao tiền cho riêng ông T1 nên ông chỉ yêu cầu cá nhân ông T1 trả lại.

Hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng giữa ông và ông T1, ông Nguyễn Văn G chỉ là người làm chứng nhưng do ông G là người giới thiệu ông T1 cho ông nên nếu ông T1 làm được việc ông uỷ quyền thì ông đồng ý trả thưởng cho cả ông T1 và ông G.

Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định vụ việc không có dấu hiệu tội phạm và đề nghị ông khởi kiện dân sự. Vì vậy, nay ông khởi kiện yêu cầu huỷ hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng do ông và ông Cao Dương T1 ký ngày 30/8/2018 và ông Cao Dương T1 trả lại cho ông số tiền 220.000.000 đồng và tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 220.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 09/10/2019 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Ông Cao Dương T1 trình bày tại bản tự khai ngày 16/9/2020:

Ông và ông Huỳnh Văn T có ký hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng như đơn khởi kiện ông T trình bày. Nay ông xác định số tiền còn lại hiện chưa trả là 220.000.000 đồng. Về số tiền lãi ông không chấp nhận. Ông sẽ cố gắng trả sớm cho ông T số tiền nợ gốc là 220.000.000 đồng trước ngày 29/9/2020.

Ông Nguyễn Văn G trình bày trong quá trình tham gia tố tụng:

Ông và ông Huỳnh Văn T là bạn bè quen biết nhau từ lâu. Do đó, ông được biết ông T có khu đất ở Quận B đang xin chuyển mục đích sử dụng đất thành đất thổ cư nên ông có giới thiệu ông Cao Dương T1 (là người ông mới quen biết) để giúp ông T làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất. Ngày 30/8/2018, ông T, ông T1 và ông đã ký hợp đồng uỷ quyền và trả thưởng, theo đó ông T là bên uỷ quyền và trả thưởng (bên A), ông T1 là bên được uỷ quyền và được trả thưởng (bên B), ông ký tên trong hợp đồng với tư cách là người chứng kiến (Bên C). Mọi thỏa thuận và thực hiện như thế nào là do ông T và ông T1 thực hiện, ông không tham gia. Ông nghe nói ông T đã giao cho ông T1 250.000.000 đồng, ông T1 có ký nhận với ông T. Ông không nhận tiền của ông T. Trong hợp đồng có nội dung thỏa thuận về phần trả thưởng như sau: Sau 7 ngày, từ ngày bên A được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, khu 3-phía Nam phường A, Quận B theo Quyết định số 4939/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại thửa đất số N tờ bản đồ số 6, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thành đất quy hoạch khu dân cư. Bên A đồng ý trả thưởng cho bên B và bên C. Tổng số tiền là 4 tỷ đồng (bằng chữ: Bốn tỷ đồng). Nội dung thỏa thuận này là do ông T tự mình đi làm thủ tục xin chuyển mục đích sử dụng đất không tiện nên nếu ông T1 làm được thì ông T thưởng cho ông và ông T1. Thực tế ông T1 không làm được công việc được uỷ quyền và đã nhận tiền của ông T nhưng không trả lại. Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả lại tiền cho ông T. Ông có yêu cầu được vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Ông Cao Dương T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập tham gia tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết

vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên cần rút kinh nghiệm. Về nội dung: đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Trước khi khởi kiện đến Tòa án, ông T đã có đơn tố cáo ông T1 đến Công an Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23/12/2019 Phòng Cảnh sát kinh tế - Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã có Phiếu chuyển tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố số 1507/PC-PC03 chuyển đơn tố cáo của ông T đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để xem xét giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ công văn số 2052/CQĐT (ĐTTH) ngày 23/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho biết: Qua xem xét nội dung đơn nhận thấy vụ việc của các bên là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu tội phạm. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận B đã hướng dẫn ông T khởi kiện tại Tòa án.

Do đó, có cơ sở xác định đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng ủy quyền và trả thưởng giữa 02 cá nhân nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Cao Dương T1 có nơi cư trú tại quận Thủ Đức nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo bản trình bày ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu Đ (vợ của ông Huỳnh Văn T) thì số tiền đưa cho ông T1 là tài sản riêng của ông T, bà không có quyền lợi gì đối với số tiền nêu trên. Do đó, không cần thiết triệu tập bà Đ tham gia tố tụng trong vụ án này.

Ông Cao Dương T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, ông Nguyễn Văn G có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T1, ông G.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và trả thưởng và trả số tiền gốc 220.000.000 đồng:

Căn cứ các bản cam kết trả tiền ngày 13/9/2019 và ngày 07/10/2019, bản tự khai ngày 16/9/2020, ông Cao Dương T1 xác nhận có ký hợp đồng ủy quyền và trả thưởng như ông T trình bày, đã nhận của ông T số tiền 250.000.000 đồng

nhưng không thực hiện được công việc ủy quyền, hiện còn nợ ông T số tiền 220.000.000 đồng. Ông đồng ý trả số tiền này cho ông T trước ngày 29/9/2020. Do đó có cơ sở xác định ngày 30/8/2018, ông Huỳnh Văn T và ông Cao Dương T1 đã ký hợp đồng ủy quyền và trả thưởng. Theo đó, ông T ủy quyền cho ông T1 nhân danh ông T để thực hiện việc xin điều chỉnh quy hoạch đối với khu đất của ông T có diện tích 11997 m² thuộc các thửa đất số N tờ bản đồ số 6, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ đất quy hoạch mảng xanh liên hoàn kết hợp mặt nước thành đất quy hoạch khu dân cư. Thời gian ông T1 thực hiện là 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng ủy quyền và trả thưởng. Ông T1 phải chịu tất cả chi phí đi đường, chi phí liên quan đến các cơ quan có thẩm quyền để xin điều chỉnh lại quy hoạch. Nếu ông T1 thực hiện được công việc thì sau 07 ngày kể từ ngày có quyết định điều chỉnh quy hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì ông T đồng ý trả thưởng cho ông T1 và ông Nguyễn Văn G số tiền 4 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến nay ông T1 không thực hiện được công việc ủy quyền và vẫn chưa thanh toán số tiền còn nợ nên nay ông T khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng ủy quyền và trả thưởng và yêu cầu ông T1 trả số tiền 220.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu về tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 09/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử:

Căn cứ theo bản cam kết ngày 07/10/2019 thì ông T1 sẽ trả lại tiền cho ông T vào ngày 08/10/2019. Tuy nhiên, đến hẹn ông T1 không trả là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với ông T.

Theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá 20%/năm của số tiền phải trả; nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất không vượt quá 10%/năm của số tiền phải trả.

Do ông T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán với ông T và các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi nên ông T yêu cầu ông T1 trả số tiền lãi chậm thanh toán của số tiền 220.000.000 đồng từ ngày 09/10/2019 đến ngày Tòa án xét xử (ngày 29/9/2020) là có cơ sở chấp nhận với mức lãi suất theo quy định là 10%/năm của số tiền phải trả. Ông T1 có ý kiến trình bày không đồng ý trả tiền lãi là không phù hợp với quy định của pháp luật và không được ông T đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

Cụ thể số tiền lãi ông T1 phải trả cho ông T tính từ ngày 09/10/2019 đến ngày 29/9/2020 là:

$$220.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 357 \text{ ngày} = 21.517.808 \text{ đồng.}$$

Tổng cộng số tiền gốc và lãi ông T1 phải trả cho ông T là 220.000.000 đồng + 21.517.808 đồng = 241.517.808 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của ông T được chấp nhận là 12.075.890 đồng.

Ông T đã được miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 562, Điều 565, Điều 566, Điều 567, Điều 568, Điều 569, Điều 570, Điều 572 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Hủy hợp đồng ủy quyền và trả thưởng do ông Huỳnh Văn T và ông Cao Dương T1 lập ngày 30/8/2018.

2/ Buộc ông Cao Dương T1 trả lại cho ông Huỳnh Văn T số tiền đã nhận của hợp đồng ủy quyền và trả thưởng ngày 30/8/2018 là 220.000.000 (hai trăm hai mươi triệu) đồng và tiền lãi từ ngày 09/10/2019 đến ngày 29/9/2020 là 21.517.808 (hai mươi một triệu năm trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám) đồng. Tổng cộng số tiền ông Cao Dương T1 phải trả là 241.517.808 (hai trăm bốn mươi một triệu năm trăm mười bảy ngàn tám trăm lẻ tám) đồng.

Kể từ ngày ông Huỳnh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Cao Dương T1 còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Cao Dương T1 phải chịu 12.075.890 (mười hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn tám trăm chín mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Huỳnh Văn T đã được miễn tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do thuộc đối tượng là người cao tuổi.

4/ Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Văn T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Cao Dương T1, ông Nguyễn Văn G có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND quận Thủ Đức;
- Chi cục THADS quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thủy